

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN MỸ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1419/QĐ-UBND

Yên Mỹ, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng
tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN MỸ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền phân cấp trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ xây dựng: Số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Hưng Yên liên quan đến dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ: Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500; Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 Quyết định chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 giao đất, cho thuê đất tại xã Tân Lập và thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ cho công ty Cổ phần ĐT Quốc tế Nam Phong để thực hiện dự án; Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 về việc phê duyệt giá đất làm căn cứ tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất tại xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên cho Công ty cổ phần ĐT quốc tế Nam Phong để thực hiện dự án; Công văn số 2303/UBND-KT1 ngày 17/10/2025 Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Công văn số 3966/UBND-KT1 ngày 25/12/2025 thỏa thuận đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ;

Căn cứ các văn bản của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên liên quan đến dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ: Báo cáo số 229/BC-SXD ngày 08/10/2025 về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Công văn số 2315/SXD-QHKT&PTĐT ngày 17/11/2025 về việc Điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự án; Báo cáo số 528/BC-SXD ngày 22/12/2025 về việc triển khai thực hiện dự án; Công văn số 1560/SXD-QHKT&PTĐT ngày 07/4/2026 về việc tham gia ý kiến điều chỉnh tổng thể quy hoạch

chi tiết tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 03/3/2026 của UBND xã Yên Mỹ về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Tờ trình số 08/TTr-QTNP ngày 31/3/2026 của Công ty Cổ phần ĐT Quốc tế Nam Phong về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND xã Yên Mỹ tại cuộc họp ngày 25/4/2026 về việc Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Báo cáo số 16/BCTĐ-KT ngày 28/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ với nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

1.1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ thuộc địa giới hành chính xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Dự án Khu đất giá Hào Xuyên;
- Phía Đông Nam giáp: Dự án Khu nhà ở thương mại 319;
- Phía Tây Bắc giáp: Đường quy hoạch số 4;
- Phía Tây Nam giáp: Đường quy hoạch số 1.

1.2. Quy mô diện tích: Giữ nguyên theo quy hoạch đã được phê duyệt (Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên): Khoảng 9,37ha.

1.3. Quy mô dân số: Giảm từ 1.524 người còn 1.420 người.

1.4. Thời hạn lập quy hoạch: 06 tháng kể từ lúc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch đến khi trình cơ quan thẩm định.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt là căn cứ pháp lý hoàn thiện dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã Yên Mỹ, phù hợp với chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính, phù hợp với hiện trạng hạ tầng kết nối.

Đảm bảo không ảnh hưởng đến tính chất, định hướng phát triển của quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên, đảm bảo tính liên tục, đồng bộ của các quy hoạch đã được duyệt.

Làm cơ sở pháp lý để quản lý đầu tư xây dựng, quản lý các hoạt động xây dựng trong khu vực điều chỉnh quy hoạch.

3. Tính chất, chức năng, vai trò

Theo Quy hoạch chung thị trấn huyện lỵ Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 14/10/2008: Khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên có tính chất là đất ở đô thị mới với hệ thống hạ tầng kết nối xung quanh đồng bộ; Phù hợp với Quy hoạch vùng huyện Yên Mỹ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên và Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Các chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cụ thể tại khu vực lập quy hoạch đảm bảo phù hợp với các quy hoạch cấp trên, các quy hoạch khác tại khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

4.1. Quy mô dân số: Tuân thủ theo Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 03/3/2026: khoảng 1.200 ÷ 2.100 người.

4.2. Điều chỉnh, cập nhật lại các chỉ tiêu về quy hoạch, hạ tầng theo các Quy chuẩn, tiêu chuẩn mới: Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được đề xuất tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn phòng cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD như sau:

- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chính: Tính toán và cân đối chỉ tiêu phù hợp Quy hoạch cấp trên, đảm bảo có tính kế thừa quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam và Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Mật độ xây dựng : *Điều chỉnh giảm mật độ xây dựng đất nhà ở biệt thự đơn lập từ 60% thành 55%. Còn lại giữ nguyên theo Quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019). Cụ thể:*

- | | |
|-------------------------------|---------|
| + Đất nhà ở liền kề | : ≤ 80% |
| + Đất nhà ở biệt thự song lập | : ≤ 60% |
| + Đất nhà ở biệt thự đơn lập | : ≤ 55% |
| + Đất giáo dục (nhà trẻ) | : ≤ 40% |

- Tầng cao xây dựng : *Điều chỉnh giảm tầng cao tối đa đất nhà ở liền kề từ 5 tầng thành 4,5 tầng. Còn lại giữ nguyên theo Quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019). Cụ thể:*

- | | |
|-------------------------------|--------------|
| + Đất nhà ở liền kề | : ≤ 4,5 tầng |
| + Đất nhà ở biệt thự song lập | : ≤ 3,5 tầng |
| + Đất nhà ở biệt thự đơn lập | : ≤ 3,5 tầng |
| + Đất giáo dục (nhà trẻ) | : ≤ 3 tầng |

Các chỉ tiêu về hạ tầng chung: Đảm bảo tuân thủ theo các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành; Đồng thời vẫn kế thừa theo Quy hoạch đã được phê duyệt theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên.

5. Các nội dung chính của quy hoạch điều chỉnh

5.1. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

- Cập nhật các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về Quy hoạch nhà ở liên kề và hạ tầng theo quy định;
- Bố trí đất dành cho hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải tập trung) theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Rà soát lại chiều dài lô đất xây dựng dãy nhà ở liên kề đảm bảo tuân thủ theo Quy chuẩn về quy hoạch;
- Điều chỉnh lại kích thước các vát góc tại các nút giao lộ giới đảm bảo an toàn và tầm nhìn cho các phương tiện giao thông theo Tiêu chuẩn;
- Vi chỉnh diện tích các ô đất, lô đất;
- Bổ sung hồ nước phục vụ nhu cầu của người dân trong khu vực;

Các nội dung khác cơ bản giữ nguyên theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên.

5.2. Quy hoạch sử dụng đất sau khi điều chỉnh

Cơ cấu sử dụng đất được điều chỉnh phù hợp với nội dung điều chỉnh theo bảng thống kê như sau:

STT	Loại đất	Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 01/4/2019		Điều chỉnh quy hoạch tổng thể		Tăng/giảm (m ²)
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất nhà ở	46.584,00	49,69	46.595,64	49,71	11,64
	Đất nhà ở liên kề	29.673,50	31,65	29.697,35	31,68	23,85
	Đất nhà ở biệt thự song lập	13.686,00	14,60	13.564,45	14,47	-121,55
	Đất nhà ở biệt thự đơn lập	3.224,50	3,44	3.333,84	3,56	109,34
2	Đất giáo dục (nhà trẻ)	2.597,50	2,77	2.597,54	2,77	0,04
3	Đất bãi đỗ xe	1.716,80	1,83	1.845,53	1,97	128,73
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	11.728,30	12,51	11.092,20	11,83	-636,10
5	Đất kênh mương thủy lợi	6.413,40	6,84	6.413,40	6,84	0,00
6	Đất giao thông	24.701,40	26,35	24.937,06	26,60	235,66
7	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác			260,03	0,28	260,03
	TỔNG	93.741,40	100,00	93.741,40	100,00	0,0

5.3. Quy hoạch phát triển không gian và phân khu chức năng

2

- Định hướng phát triển không gian Khu nhà ở Yên Mỹ được nghiên cứu trên cơ sở tận dụng tối đa các yếu tố thuận lợi về giao thông đối ngoại qua khu vực. Các khu chức năng trong khu vực được hình thành trên cơ sở tổ chức mạng lưới giao thông dạng ô cờ, kết hợp hài hòa thuận tiện giữa giao thông đối nội và đối ngoại.

- Các khu đất xây dựng nhà liền kề được phân bố đều trên toàn bộ khu vực quy hoạch, dọc theo các tuyến đường nội bộ kết hợp với không gian cây xanh lối khu ở, tạo môi trường sống tốt cho người dân.

- Đất ở biệt thự bố trí ở khu vực trung tâm, kết nối khu cây xanh tập trung với hệ thống mặt kênh cảnh quan tạo nên một khu ở hiện đại, tiện nghi.

- Khu đất xây dựng nhà trẻ hóa gắn với khu công viên cây xanh tập trung, thuận tiện về giao thông và là điểm nhấn kiến trúc cho toàn khu vực.

- Điều chỉnh khoảng ngắt đảm bảo chiều dài tối đa các lô đất nhà ở liền kề là 60m.

- Bổ sung hồ nước cảnh quan tại ô đất cây xanh khu trung tâm.

- Điều chỉnh khoảng lùi công trình đối với các lô đất nhà ở liền kề và biệt thự.

- Điều chỉnh lại góc vát ô đất (góc vát giao lộ) tại vị trí giao nhau của các tuyến đường nội bộ.

- Các khu chức năng khác được bố trí với bán kính phục vụ hợp lý, đảm bảo nhu cầu sử dụng, được thống nhất như tại bản vẽ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH-05)

5.4. Quy hoạch hệ thống giao thông

a. Giao thông đối ngoại

- Phía Bắc tiếp giáp đường Quy hoạch số 4 mặt cắt (1-1) rộng 24,50m. Trong đó: Lòng đường: $2 \times 5,25\text{m}$ + Vĩa hè: $2 \times 7,00\text{m}$.

- Phía Tây tiếp giáp đường Quy hoạch số 1 mặt cắt (3-3) rộng 19,50m. Trong đó: Lòng đường: $2 \times 5,25\text{m}$ + Vĩa hè: $2 \times 4,50\text{m}$.

- Phía Nam tiếp giáp đường quy hoạch mặt cắt (2-2) rộng 20,50m. Trong đó:

- Lòng đường: $2 \times 5,25\text{m}$ + Vĩa hè: $2 \times 5,00\text{m}$.

b. Giao thông đối nội: Các tuyến đường nội bộ nhóm nhà ở

- Mặt cắt (4-4) rộng 16,5m. Trong đó:

Lòng đường: $2 \times 5,25\text{m}$ + Vĩa hè: $2 \times 3,0\text{m}$.

- Mặt cắt (5-5) rộng 13,00m. Trong đó:

Lòng đường: $2 \times 3,50\text{m}$ + Vĩa hè: $2 \times 3,0\text{m}$.

- Mặt cắt (6-6) rộng 12,00m. Trong đó:

Lòng đường: $2 \times 3,50\text{m}$ + Vĩa hè: $3,0\text{m} + 2,0\text{m}$.

Mạng lưới quy hoạch giao thông và mặt cắt các tuyến đường được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (QH-07).

5.5. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt

a. Phương án san nền

- San nền dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Yên Mỹ được thiết kế theo

nguyên tắc phân lô san nền, giới hạn bởi các đường giao thông theo phương pháp đồng mức thiết kế. Cao độ san nền từ +3,80 m đến +4,05 m. Độ dốc san nền tối thiểu 0,25%.

- Các chỉ tiêu san nền được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - san nền xây dựng (QH-06).

b. Phương án thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế thoát riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống theo các trục đường chính, sau đó được xả ra tuyến mương thủy lợi phía Đông dự án.

- Chiều dài, độ dốc và hướng thoát nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - thoát nước mặt (QH-09).

5.6. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước của dự án khoảng $Q = 439,39 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ đường ống cấp nước sạch của khu vực gần dự án trên tuyến đường số 4.

- Mạng đường ống cấp nước trên vỉa hè dọc các tuyến giao thông chính, đảm bảo cung cấp nước đến từng điểm tiêu thụ nước.

- Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế là mạng vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo lưu lượng và áp lực đến các khu chức năng trong toàn khu quy hoạch.

- Mạng lưới đường ống là đường ống cấp nước kết hợp cấp nước sinh hoạt và chữa cháy.

- Mạng lưới cấp nước được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước (QH-08).

5.7. Quy hoạch cung cấp năng lượng và chiếu sáng

- Tổng nhu cầu dùng điện khoảng: 1672,18 kVA.

- Nguồn điện được lấy từ lưới điện 35kV khu vực phía Tây dự án. Xây dựng mới 2 trạm biến áp công suất mỗi trạm 1000 kVA đặt tại khu vực cây xanh và hệ đường tuyến T7.

- Lưới điện trung thế: Xây dựng mới tuyến cáp ngầm 35kV cấp điện cho các trạm biến áp. Mạng hạ thế sử dụng loại cáp đồng, đi ngầm dọc theo vỉa hè các đường quy hoạch. Lưới điện chiếu sáng từ trạm biến áp khu vực đến tủ điện chiếu sáng đặt trên hè hoặc khuôn viên cây xanh.

- Mạng lưới cấp điện được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch hệ thống cung cấp năng lượng (QH-11).

- Điều chỉnh bổ sung cấp điện chiếu sáng cho khu cây xanh.

- Nguồn cấp điện cho chiếu sáng được lấy từ các TBA xây dựng mới thông qua các tủ điều khiển chiếu sáng.

5.8. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Công suất Trạm xử lý nước thải lấy tròn $Q_{txl} = 250 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Điều chỉnh một số đoạn tuyến thoát nước thải hướng về vị trí Trạm xử lý nước thải cho phù hợp với độ sâu chôn cống và lưu vực tuyến cống thu gom.

- Toàn bộ nước thải của khu vực được thu gom vào mạng lưới đường cống HDPE đường kính D200 và D300mm. Cống được đặt dọc các trục đường giao thông để thu gom nước thải, tiếp đó dẫn về Trạm xử lý nước thải đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật.

- Trạm xử lý nước thải phải đảm bảo quy định khoảng cách an toàn về môi trường (ATMT) theo bảng 2.22 QCVN 01:2021/BXD.

- Nước thải sau xử lý phải đạt các thông số cột A (phạm vi lưu lượng xả thải $F < 2000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) của bảng 1 theo quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT trước khi xả ra kênh T11 đi qua dự án.

- Dọc theo các tuyến cống thoát nước thải bố trí các hố ga nước thải (giếng thăm) tại điểm xả các công trình, tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống để nạo vét bảo dưỡng định kì và sửa chữa cống.

- Tất cả các đường cống thoát nước phải chôn sâu dưới mặt hoàn thiện tối thiểu là 0,3 m trên hè và 0,5 m dưới lòng đường tính đến đỉnh cống nhưng không lớn hơn 4,0 m tính đến đáy cống, khi vượt trị số này sẽ phải sử dụng trạm bơm tăng áp đưa nước thải đến cao độ và vị trí mới.

- Độ dốc dọc cống lấy theo độ dốc tối thiểu $i_{\min} = 1/D$ để giảm chiều sâu chôn cống.

- Chỉ tiêu tính toán chất thải rắn:

+ Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 0,9 kg/người/ngày.

+ Tổng nhu cầu xử lý CTR: $Q \approx 1,66 \text{ tấn/ngày}$.

+ Chất thải rắn được phân loại và thu gom hàng ngày về các điểm tập kết, sau đó vận chuyển về khu xử lý tập trung của xã.

- Mạng lưới thoát nước thải được thể hiện chi tiết tại Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và quản lý chất thải rắn (QH-10).

5.8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

Hệ thống cáp thông tin liên lạc được quy hoạch tập trung vào việc xây dựng hệ thống hố ga và đặt ống luồn cáp thông tin. Việc triển khai xây dựng tủ tổng và tủ đầu nối sẽ được ngành viễn thông đầu tư trong quá trình thi công hạ tầng dự án.

- Hệ thống hố ga luồn cáp thông tin:

+ Hệ thống hố ga luồn cáp thông tin được xây dựng nhằm mục đích hỗ trợ việc thi công tuyến cáp thông tin, các hố ga này được xây dựng trên các tuyến cáp. Khoảng cách giữa các hố ga là 40-50 m, tại các vị trí được xác định để lắp đặt tủ đầu nối cũng sẽ có 1 hố ga để luồn cáp lên tủ. Xây dựng các hố Gavino đầu nối hệ thống thông tin cho các lô đất.

+ Vị trí hầm cáp, hố cáp phải thuận tiện cho lắp đặt, bảo dưỡng, khai thác và bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị nhưng không làm ảnh hưởng đến các phương tiện giao thông và người đi lại.

- Hệ thống ống luồn cáp thông tin:

+ Hệ thống ống luồn cáp thông tin sử dụng loại ống nhựa cứng uPVC và HPDE chuyên dụng, chôn cách mặt đất 0,7 m phía trên có rải lưới báo hiệu cáp

HUNG

✓

+ Độ sâu lấp đặt cống cấp tính từ đỉnh của lớp cống cấp trên cùng đến mặt đất phải đảm bảo quy định sau:

- ## 5.9. Những nội dung khác

Điều 2. Công ty Cổ phần ĐT Quốc tế Nam Phong chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu sử dụng để lập quy hoạch; Hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch dự án đảm bảo thống nhất với Quyết định này; lưu trữ hồ sơ; tiến hành các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Nơi nhân:

- TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
CHỦ TỊCH



Trịnh Hồng Tuyền